

Ngày 24 Tháng Tư 2025 / Số 16 14 Tháng Tư - 20 Tháng Tư

Hệ thống Giám sát Bệnh truyền nhiễm của Tokyo
Bệnh truyền nhiễm mà tất cả bác sỹ phải báo cáo
Bác sỹ phải báo cáo phát sinh bệnh cho Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe.
Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe báo cáo từng trường hợp riêng biệt lên
Trung tâm Thông tin Bệnh truyền nhiễm thủ đô Tokyo.
Bệnh truyền nhiễm được báo cáo bởi cơ quan y tế được chỉ định
Trạm xá và bệnh viện được chỉ định sẽ báo cáo số lượng bệnh nhân đến
khám cho Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe mỗi tuần. Trung tâm Chăm sóc
Sức khỏe sẽ báo cáo số lượng bệnh nhân cho Trung tâm Thông tin Bệnh
truyền nhiễm thủ đô Tokyo. Trong thủ đô Tokyo có khoảng 500 trạm xá
và bệnh viện được chỉ định.

Trung tâm Nghiên cứu An toàn Sức khỏe thủ đô Tokyo
TEL:81-3-3363-3213 FAX:81-3-5332-7365
e-mail:tmiph@section.metro.tokyo.jp
URL: idsc.tmiph.metro.tokyo.lg.jp/

Bệnh thuộc đối tượng nắm rõ tất cả số lượng

thể loại	Bệnh tật	Diseases	Tokyo				
			Tuần 13	Tuần 14	Tuần 15	Tuần 16	Tích lũy năm 2025
I	Sốt xuất huyết Ebola	Ebola hemorrhagic fever					
	Sốt xuất huyết Crimean-Congo	Crimean-Congo hemorrhagic fever					
	Đậu mùa	Smallpox					
	Sốt xuất huyết Nam Mỹ	South American hemorrhagic fever					
	Dịch hạch	Plague					
	Bệnh Marburg	Marburg disease					
II	Sốt Lassa	Lassa fever					
	Bại liệt	Acute poliomyelitis					
	Lao	Tuberculosis	61	34	34	25	546
	Bạch hầu	Diphtheria					
	Hội chứng hô hấp cấp tính nặng (SARS)	Severe Acute Respiratory Syndrome (SARS)					
	Hội chứng hô hấp Trung Đông (MERS)	Middle East Respiratory Syndrome (MERS)					
III	Cúm gia cầm H5N1	Avian influenza H5N1					
	Cúm gia cầm H7N9	Avian influenza H7N9					
	Bệnh tả	Cholera					
	Kiết lỵ	Shigellosis	1				4
	Bệnh nhiễm khuẩn E.coli	Enterohemorrhagic Escherichia coli infection	7	1	2	2	41
	Thương hàn	Typhoid fever					1
IV	Phó thương hàn	Paratyphoid fever		1			1
	Viêm gan E	Hepatitis E	3	4	1	7	39
	Sốt siêu vi trùng West Nile	West Nile fever					
	Viêm gan A	Hepatitis A		2			5
	Bệnh sán chó	Echinococcosis					1
	Mpox	Mpox		1			1
	Sốt vàng	Yellow fever					
	Bệnh vi-rút vẹt	Psittacosis					1
	Sốt xuất huyết Omsk	Omsk hemorrhagic fever					
	Sốt hồi quy	Relapsing fever					
	Bệnh nhiễm vi-rút rừng Kyasanur	Kyasanur forest disease					
	Sốt Q	Q fever					
	Bệnh chó dại	Rabies					
	Bệnh nấm Coccidioidomycosi	Coccidioidomycosis					
	Bệnh nhiễm vi-rút Zika	Zika virus infection					
	Hội chứng sốt giảm tiểu cầu Số lượng	Severe Fever with Thrombocytopenia Syndrome					
	Sốt xuất huyết kèm theo suy thận do vi-rút Hanta	Hemorrhagic fever with renal syndrome					
	Viêm não ngựa miền Tây	Western equine encephalitis					
	Viêm não do ve truyền	Tick-borne encephalitis					
	Bệnh than	Anthrax					
	Sốt Chikungunya	Chikungunya fever					
	Bệnh sốt ve mò	Scrub typhus (Tsutsugamushi disease)					3
	Sốt xuất huyết Dengue	Dengue fever		1	1	1	19
	Viêm não ngựa miền Đông	Eastern equine encephalitis					
	Cúm gia cầm (trừ H5N1, H7N9)	Avian influenza (excluding H5N1 and H7N9)					
	Bệnh nhiễm vi-rút Nipah	Nipah virus infection					
	Viêm màng não tủy Nhật Bản	Japanese spotted fever					
	Viêm não Nhật Bản	Japanese encephalitis					
	Hội chứng suy thận do vi-rút Hanta	Hantavirus pulmonary syndrome					
	Bệnh vi-rút B	Herpes B virus infection					
	Bệnh loét mũi truyền nhiễm	Glanders					
	Bệnh do Brucella	Brucellosis					
	Viêm não tủy ngựa	Venezuelan equine encephalitis					
	Bệnh lây nhiễm vi-rút Hendra	Hendra virus infection					
	Sốt phát ban	Epidemic typhus					
	Nhiễm Clostridium Botulinum	Botulism					
	Sốt rét	Malaria		1			3
	Bệnh Tularemia	Tularemia					
	Bệnh Lyme	Lyme disease					
	Nhiễm vi-rút Lyssa	Lyssavirus infection (excluding rabies)					
	Sốt thung lũng Rift	Rift valley fever					
	Bệnh Melioidosis	Melioidosis					
	Bệnh Legionella	Legionellosis	2	4	3	1	49
	Bệnh xoắn khuẩn vàng da	Leptospirosis	1				1
	Sốt phát ban Rocky Mountain	Rocky mountain spotted fever					

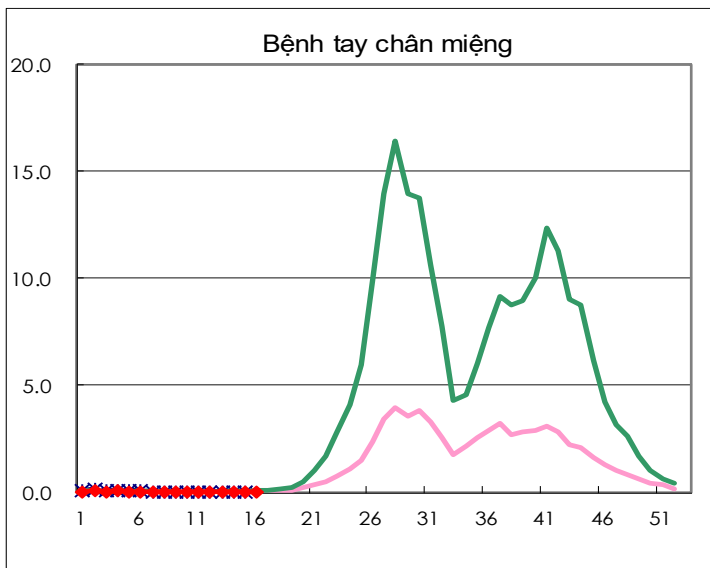
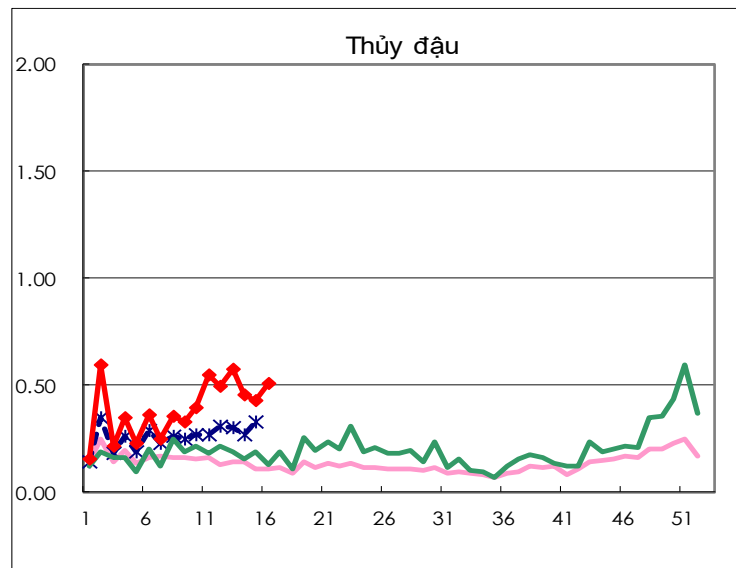
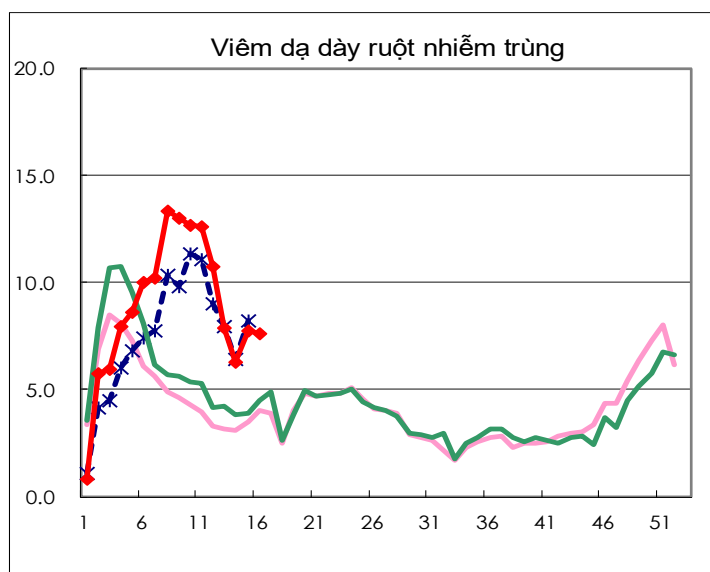
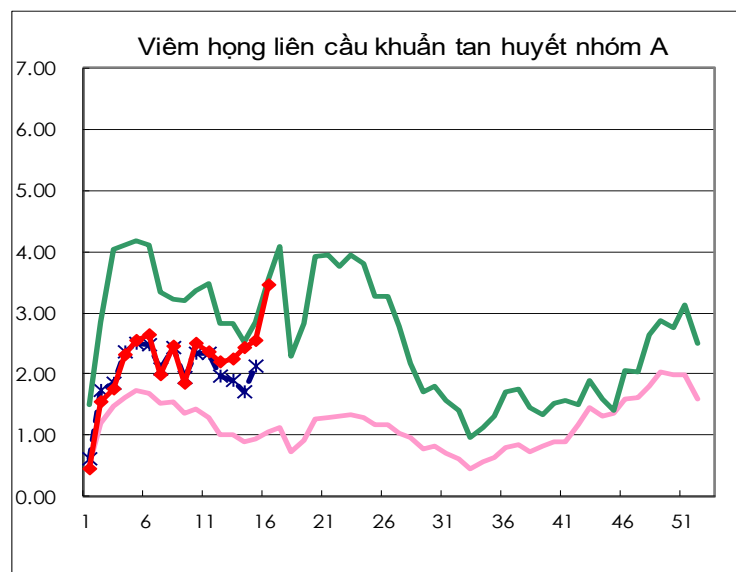
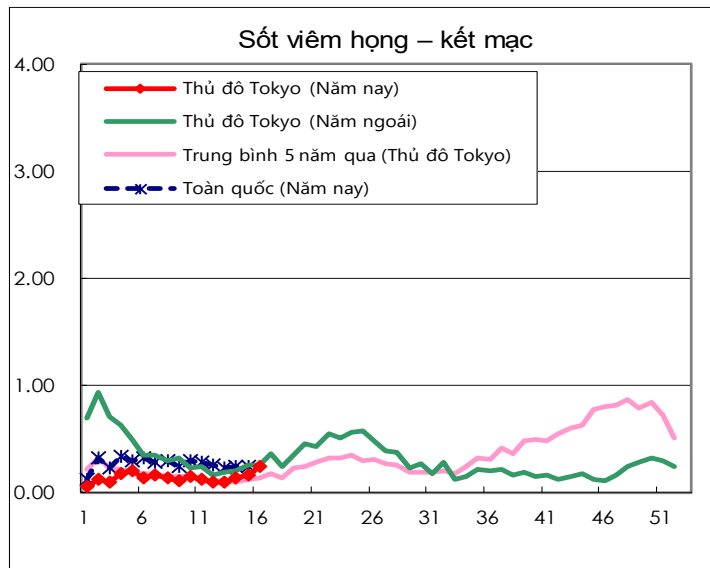
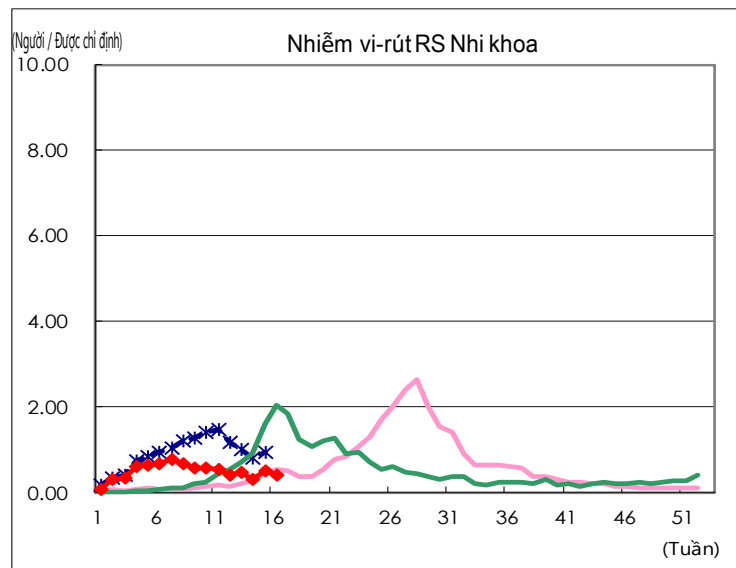
thể loại	Bệnh tật	Diseases	Tokyo				
			Tuần 13	Tuần 14	Tuần 15	Tuần 16	Tích lũy năm 2025
V	Bệnh lỵ Amip	Amebiasis	2		3	1	27
	Viêm gan vi-rút (trừ kiểu A, kiểu E)	Viral hepatitis (excluding hepatitis A and E)	1	3			17
	CRE infection	CRE infection	3	3	1	1	53
	Acute Flaccid Paralysis (excluding Acute poliomyelitis)	Acute Flaccid Paralysis (excluding Acute poliomyelitis)					
	Viêm não cấp tính	Acute encephalitis (excluding JE and WNE)	1			1	19
	Bệnh Cryptosporidiosis	Cryptosporidiosis					2
	Bệnh bò điên Creutzfeldt-Jakob	Creutzfeldt-Jakob disease					1
	Nhiễm liên cầu khuẩn tan huyết ác tính	Severe invasive streptococcal infections (TSLs)	2	1	3	3	44
	Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS)	Acquired immunodeficiency syndrome (AIDS)	4	8	6	8	78
	Bệnh đường ruột do trùng roi Giardia	Giardiasis	1	1		1	5
	Bệnh nhiễm khuẩn Haemophilus influenza xâm lấn	Invasive <i>Haemophilus influenzae</i> disease	1	3	2	5	28
	Bệnh nhiễm khuẩn cầu màng não xâm lấn	Invasive meningococcal disease				1	4
	Nhiễm khuẩn cầu viêm phổi xâm lấn	Invasive pneumococcal disease	12	6	11	6	163
	Thủy đậu (Giới hạn trường hợp nhập viện)	Varicella (limited to hospitalized case)	1	2	2	2	28
	Hội chứng Rubella bẩm sinh	Congenital rubella syndrome					
	Giang mai	Syphilis	63	88	66	73	1,098
	Nhiễm nấm Cryptococcosis	Disseminated cryptococcosis		1			7
	Uốn ván	Tetanus					4
	Nhiễm tụ cầu vàng kháng Vancomycin	Vancomycin-resistant <i>S. aureus</i> infection					
	Nhiễm cầu trùng khuẩn kháng Vancomycin	Vancomycin-resistant Enterococcus infection				1	4
	Ho gà	Pertussis	41	61	112	138	653
	Rubella	Rubella					2
	Sởi	Measles	2				7
	Nhiễm khuẩn Acinetobacter kháng thuốc	MDRA infection					

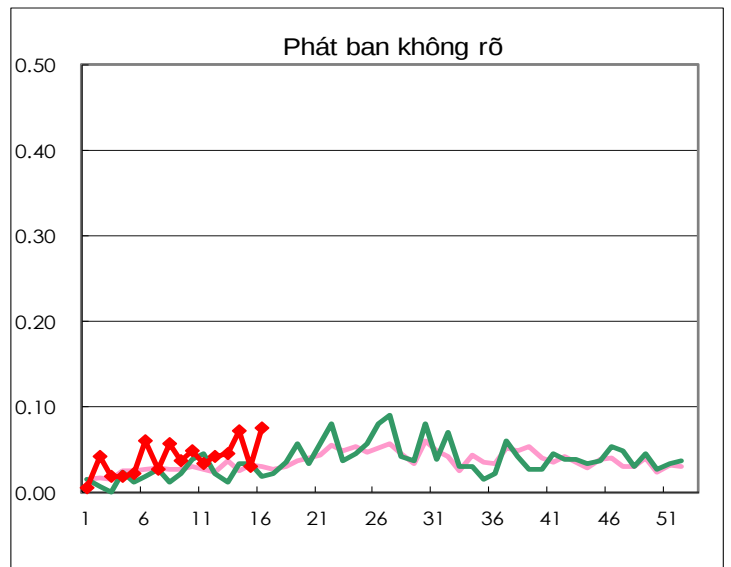
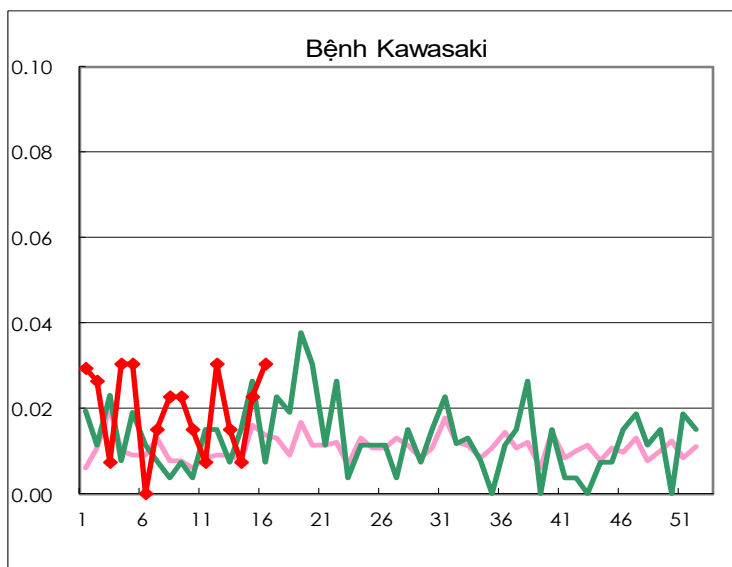
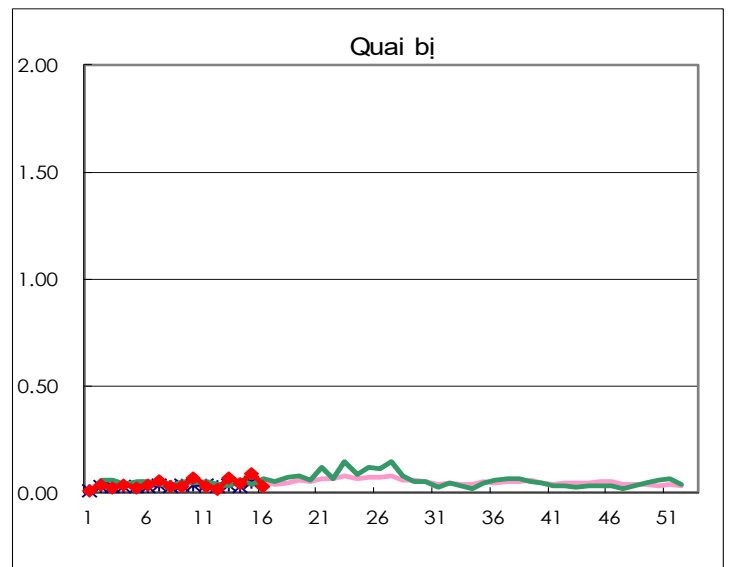
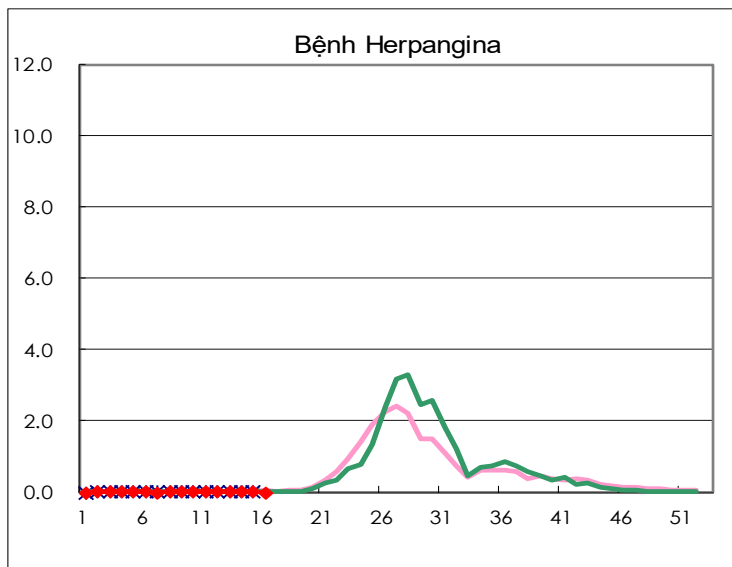
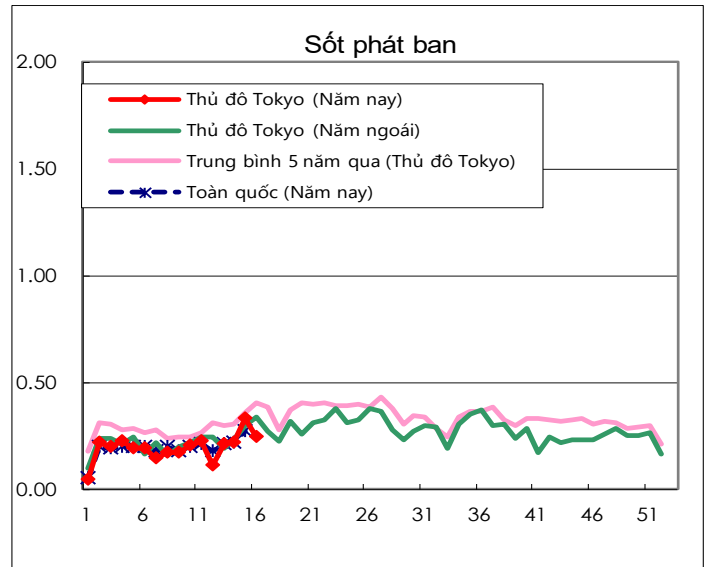
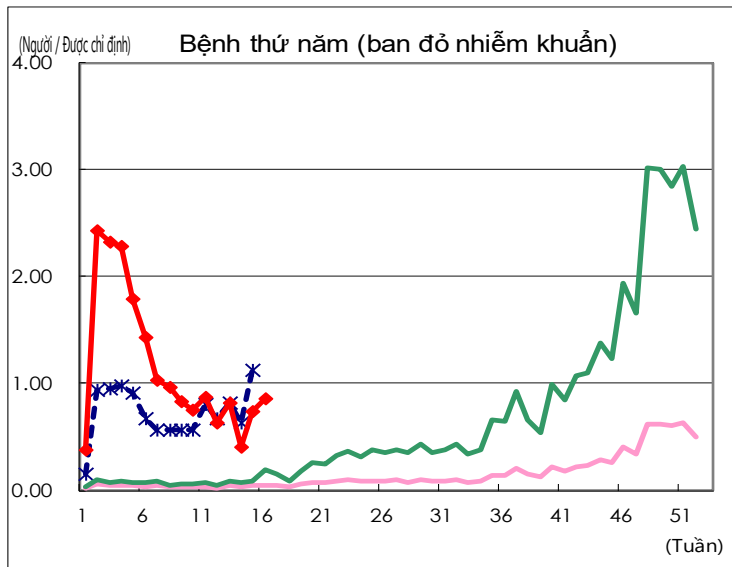
Số báo cáo bệnh đối tượng nắm rõ cơ quan y tế được chỉ định

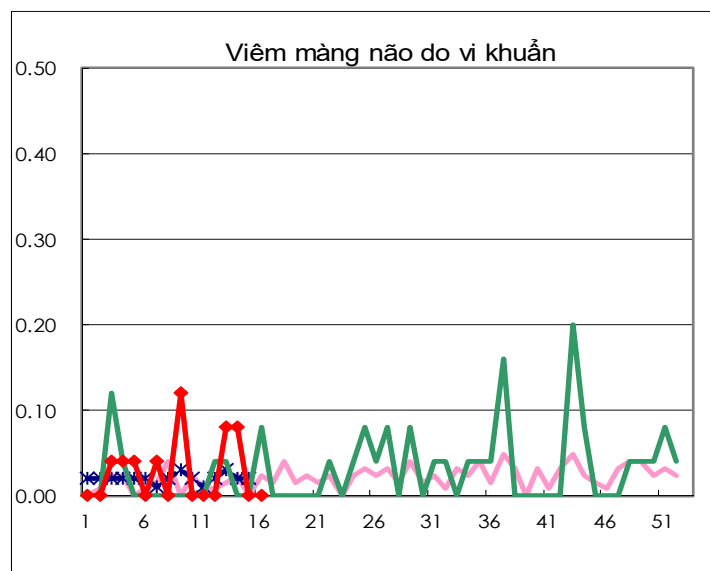
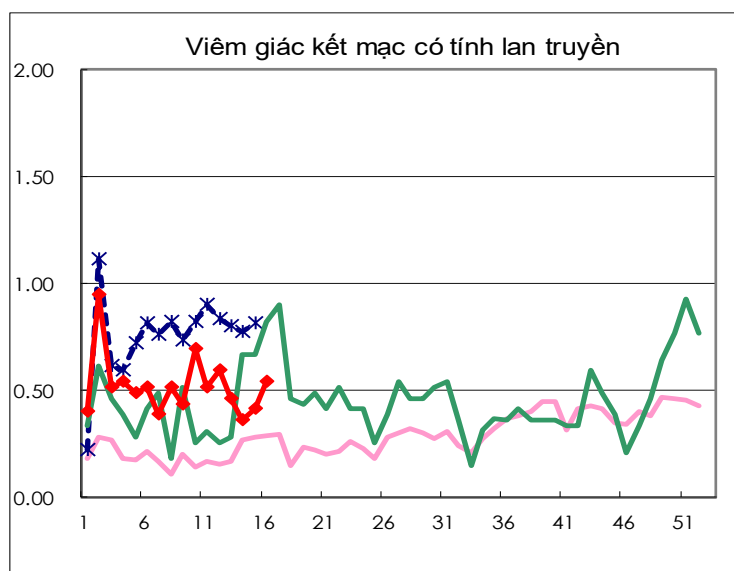
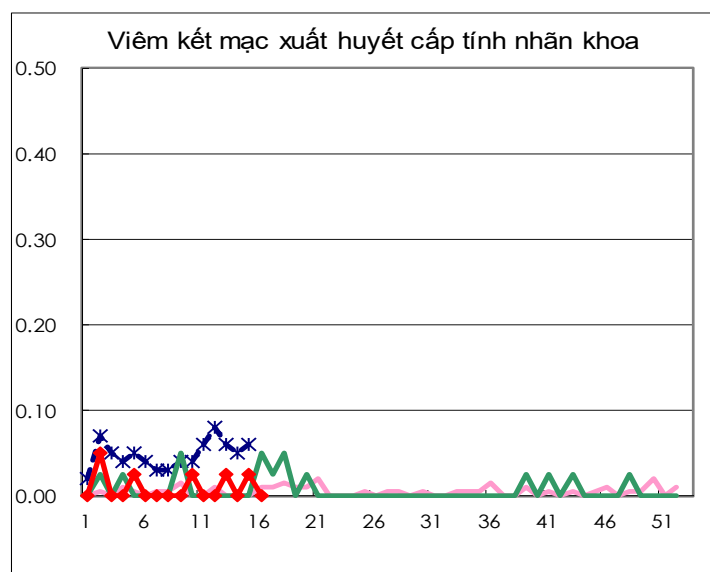
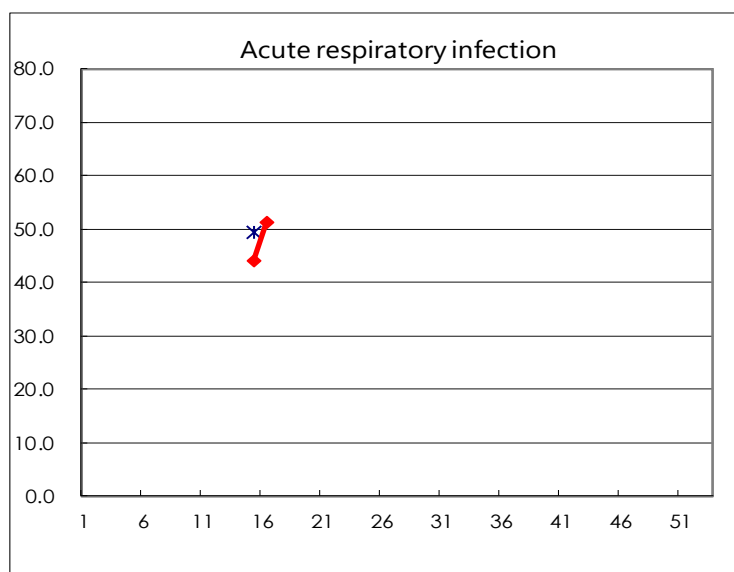
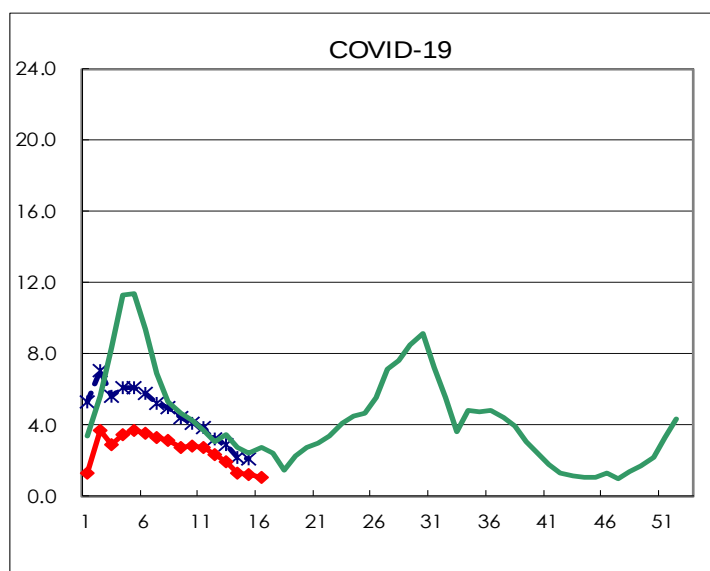
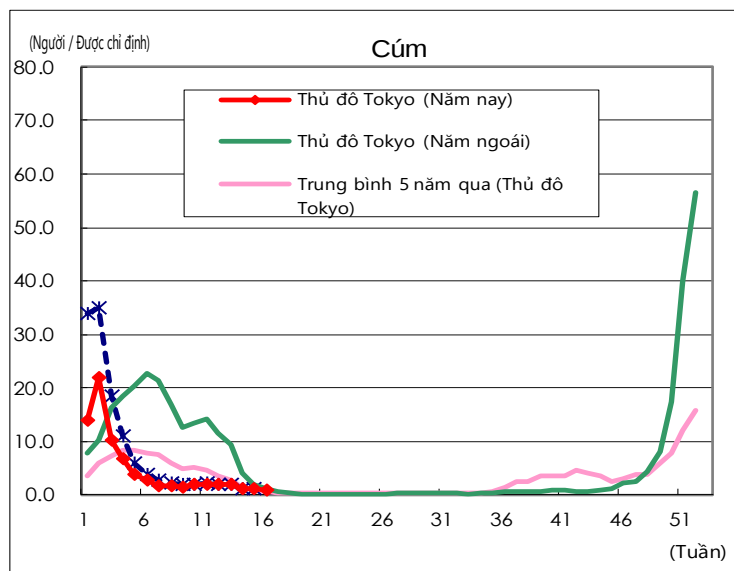
Bệnh tật	Diseases	Tokyo				
		Tuần 13	Tuần 14	Tuần 15	Tuần 16	Mỗi sentinel
Nhiễm vi-rút RS Nhi khoa	Respiratory syncytial virus infection	125	80	136	105	0.40
Sốt viêm họng – kết mạc	Pharyngoconjunctival fever	25	35	44	63	0.24
Viêm họng liên cầu khuẩn tan huyết nhóm A	Group A streptococcal pharyngitis	589	640	672	914	3.46
Viêm dạ dày ruột nhiễm trùng	Infectious gastroenteritis	2,070	1,659	2,057	2,007	7.60
Thủy đậu	Chickenpox	152	121	114	134	0.51
Bệnh tay chân miệng	Hand, foot, and mouth disease	14	12	19	15	0.06
Bệnh thứ năm (ban đỏ nhiễm khuẩn)	Erythema infectiosum	214	108	194	228	0.86
Sốt phát ban	Exanthem subitum	56	58	88	65	0.25
Bệnh Herpangina	Herpangina	2	2	5		
Quai bị	Mumps	19	12	25	9	0.03
Bệnh Kawasaki	Kawasaki disease	4	2	6	8	0.03
Phát ban không rõ	Cold with exanthems	12	19	8	20	0.08
Cúm	Influenza	798	495	519	394	0.94
COVID-19	COVID-19	805	539	502	430	1.03
Acute respiratory infection	Acute Respiratory Infection			18,372	21,268	51.13
Viêm kết mạc xuất huyết cấp tính nhân khoa	Acute hemorrhagic conjunctivitis	1		1		
Viêm giác kết mạc có tính lan truyền	Epidemic keratoconjunctivitis	18	14	16	21	0.54
Viêm màng não do vi khuẩn	Bacterial meningitis	2	2			
Viêm màng não vô trùng	Aseptic meningitis					
Viêm phổi do Mycoplasma	Mycoplasma pneumonia	4	1	3	3	0.12
Viêm phổi do Chlamydia (trừ bệnh vi-rút vệt)	Chlamydial pneumonia (excluding psittacosis)		1	2	1	0.04
Viêm dạ dày ruột nhiễm trùng (vi-rút Rota)	Infectious gastroenteritis (only by Rotavirus)	12	6	3	6	0.24
Nhập viện vì cúm	Influenza-Associated Hospitalizations	3	7	2	1	0.04
COVID-19-Associated Hospitalizations	COVID-19-Associated Hospitalizations	70	52	50	41	1.64

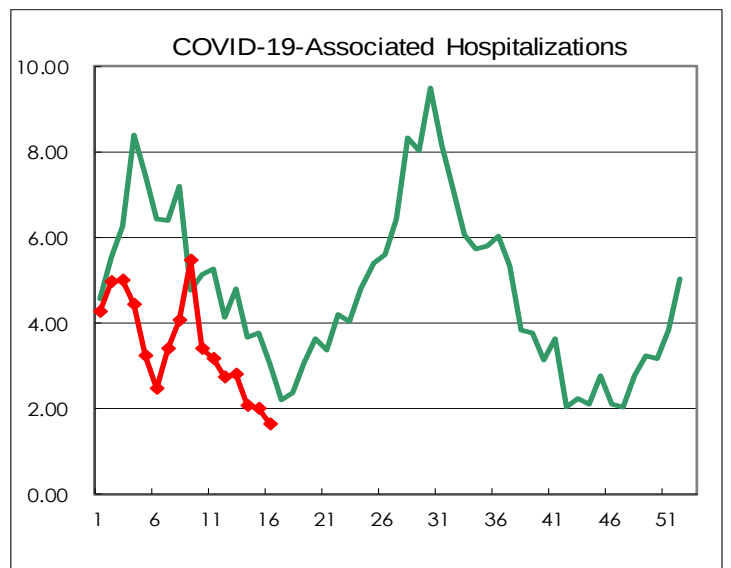
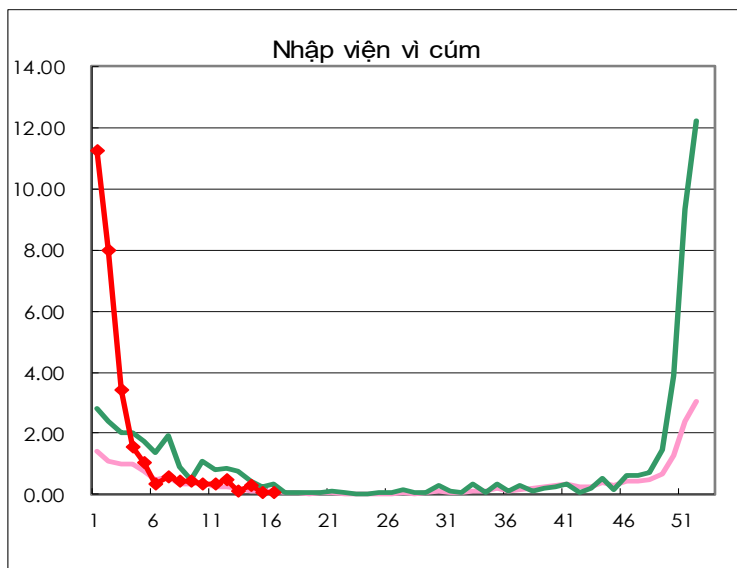
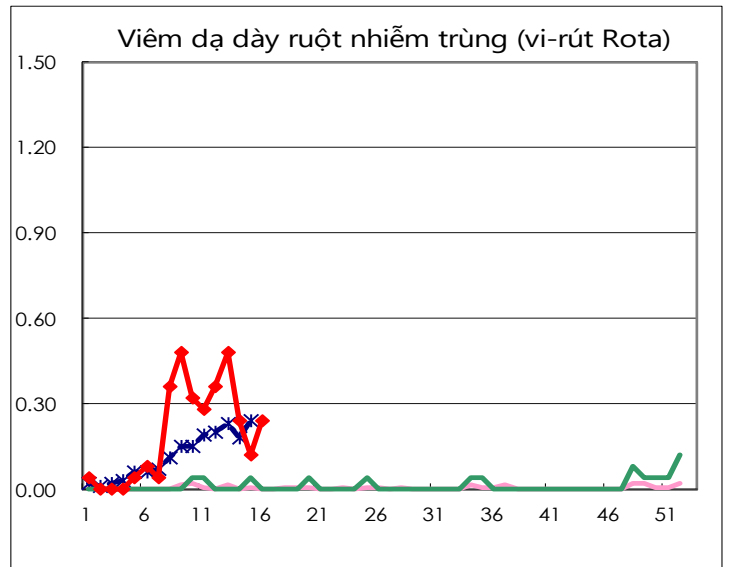
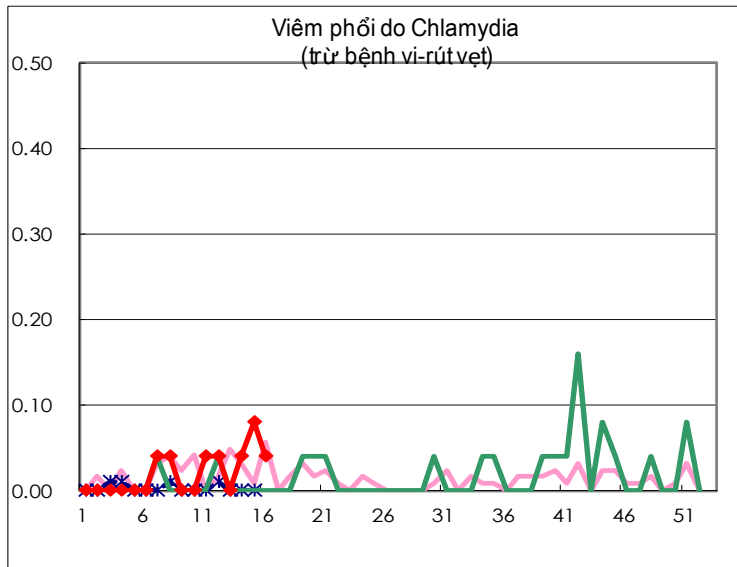
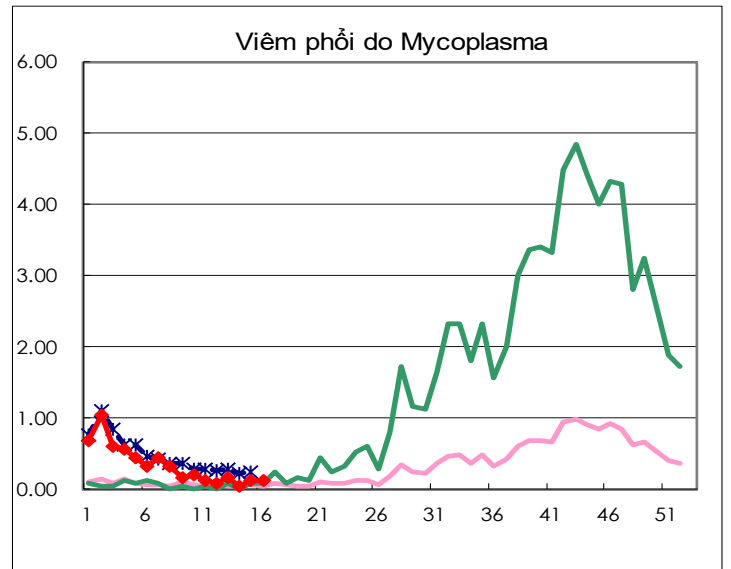
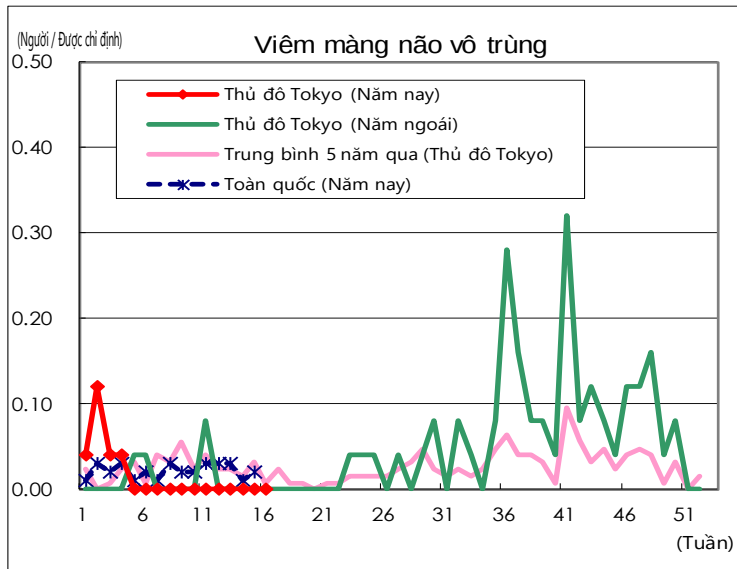
(Trống là 0)

Số lượng báo cáo bệnh đối tượng cần nắm rõ được chỉ định tương ứng với cơ quan y tế được chỉ định









Số lượng cơ sở giám sát cho báo cáo hàng tuần		
Các loại hàng hải	Số cơ quan y tế được chỉ định	Số cơ quan y tế báo cáo
Nhi khoa	264	264
Acute respiratory infection	419	418
Nhãn khoa	39	39
Được đặc biệt	25	25